

CHÍNH PHỦ
Số: 53/2001/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Hướng dẫn thi hành các hình phạt cấm cư trú và quản chế

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để thi hành các hình phạt cấm cư trú và quản chế quy định tại các Điều 37, 38, 57, 69 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và các Điều 227, 235, 237, 238 của Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cấm cư trú là hình phạt bổ sung áp dụng đối với người bị kết án phạt tù, buộc người đó không được tạm trú và thường trú từ một năm đến năm năm ở một số địa phương nhất định, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Quản chế là hình phạt bổ sung áp dụng đối với người bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia, người tái phạm nguy hiểm hoặc trong những trường hợp khác do Bộ luật Hình sự quy định, buộc người đó phải cư trú, làm ăn sinh sống và cải tạo ở một địa phương nhất định từ một năm đến năm năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù, có sự kiểm soát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương.

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Ủy ban nhân dân cấp xã) thi hành các hình phạt cấm cư trú, quản chế có trách nhiệm phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp quản lý chặt chẽ, giám sát, giáo

dục, tạo điều kiện giúp đỡ người bị kết án làm ăn, sinh sống, ngăn chặn không để họ tiếp tục vi phạm pháp luật và thi hành nghiêm chỉnh bản án của Tòa án.

Điều 3. Việc thi hành hình phạt cấm cư trú và quản chế phải đúng đối tượng, đúng quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị định này.

Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản của người bị thi hành các hình phạt cấm cư trú, quản chế (*sau đây viết gọn là người bị cấm cư trú, người bị quản chế*).

Chương II

THI HÀNH HÌNH PHẠT CẤM CƯ TRÚ

Mục A

Nghĩa vụ và quyền của người bị cấm cư trú

Điều 4.

1. Người bị cấm cư trú có nghĩa vụ:

- a) Không được cư trú ở những nơi đã bị cấm theo quyết định của Tòa án, mà phải cư trú ở nơi khác;
- b) Trình diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi được đến cư trú, xuất trình giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù, bản nhận xét về kết quả chấp hành án phạt tù của Trại giam;
- c) Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của chính quyền địa phương nơi đến cư trú.

2. Người bị cấm cư trú mà cố ý không chấp hành các quy định về cấm cư trú mặc dù đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án theo Điều 304 của Bộ luật Hình sự.

Điều 5. Người bị cấm cư trú có quyền:

1. Khi có lý do chính đáng, có thể được phép đến địa phương đã bị cấm cư trú nơi có thân nhân, gia đình đang sinh sống hoặc quê quán nếu được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đó; thời gian lưu trú Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến quyết định, nhưng mỗi lần không được quá năm ngày.

2. Được tự do lựa chọn nơi cư trú ngoài những nơi đã bị cấm theo quy định của pháp luật; không bị hạn chế việc đi lại, hành nghề hoặc làm công việc nếu không có bản án hoặc quyết định khác của Toà án cấm hành nghề hoặc làm công việc đó và không thuộc những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo Nghị định số 08/2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2001 của Chính phủ.

3. Khi thấy đủ điều kiện theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này, đề nghị Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi mình đang cư trú làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại theo quy định của pháp luật.

Điều 6.

1. Người bị cấm cư trú có đủ các điều kiện dưới đây thì có thể được xét giảm hoặc miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại:

- a) Đã chấp hành được ít nhất một phần hai thời hạn cấm cư trú;
- b) Tích cực lao động, học tập, nghiêm chỉnh chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của chính quyền địa phương;
- c) Được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi đang cư trú đề nghị.

2. Việc miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại chỉ được thực hiện sau khi có quyết định của Toà án nhân dân cấp huyện nơi người đó đến cư trú.

3. Khi trở về địa phương mà trước đó đã bị cấm cư trú, người được miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại phải xuất trình với Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định của Toà án cho miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

Điều 7. Người đã chấp hành xong hình phạt cấm cư trú kể cả các trường hợp đã được miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại có quyền tự do lựa chọn nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Mục B

Trách nhiệm của cơ quan thi hành hình phạt cấm cư trú

Điều 8.

1. Cơ quan thi hành hình phạt cấm cư trú là chính quyền cấp xã nơi người bị kết án đến cư trú.

2. Hai tháng trước khi người bị cấm cư trú hết hạn chấp hành hình phạt tù, giám thị trại giam thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cấm cư trú, nơi người bị cấm cư trú sẽ đến cư trú và Công an cấp huyện về:

Họ và tên, tuổi, quê quán của người bị cấm cư trú;

Ngày, tháng, năm chấp hành xong hình phạt tù;

Nhận xét về kết quả chấp hành án phạt tù;

Thời hạn và nơi cấm cư trú;

Những thông tin cần thiết khác để quản lý, giáo dục, tạo điều kiện cho người bị cấm cư trú làm ăn, sinh sống, cải tạo.

Trường hợp chưa rõ nơi người bị cấm cư trú sẽ về cư trú, giám thị trại giam giao bản nhận xét kết quả chấp hành án phạt tù cho người đó và yêu cầu họ xuất trình cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến cư trú.

3. Hồ sơ thi hành hình phạt cấm cư trú do Ủy ban nhân dân cấp xã lập gồm có:

Trích lục hoặc bản sao bản án của Tòa án;

Giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù;

Tài liệu về quá trình chấp hành hình phạt cấm cư trú;

Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 9. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị cấm cư trú không được đến cư trú có trách nhiệm:

1. Theo dõi, không để người bị cấm cư trú trở về thường trú, tạm trú tại địa phương trong thời gian bị cấm cư trú.

2. Khi thấy người bị cấm cư trú có mặt tại địa phương, phải kiểm tra, lập biên bản và buộc họ rời khỏi địa phương (*trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này*) và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang quản lý người bị cấm cư trú.

3. Tiếp nhận, tạo điều kiện giúp đỡ người đã chấp hành xong thời hạn cấm cư trú làm ăn, sinh sống.

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị cấm cư trú đến cư trú có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận, quản lý, giáo dục, tạo điều kiện để họ làm ăn, sinh sống, lao động, học tập bình thường, giúp họ trở thành người có ích cho xã hội và báo cho Chánh án Tòa án đã ra quyết

định thi hành án.

2. Khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 6 của Nghị định này, làm văn bản đề nghị hoặc nhận xét kèm theo tài liệu có liên quan nếu có gửi Công an cấp huyện để làm các thủ tục chuyển Toà án nhân dân cấp huyện nơi chấp hành án xem xét, quyết định giảm hoặc miễn chấp hành phần hình phạt còn lại cho người bị cấm cư trú.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị cấm cư trú đến cư trú cuối cùng có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời hạn cấm cư trú cho người bị cấm cư trú và gửi bản sao cho Toà án đã ra quyết định thi hành án, Toà án và Công an cấp huyện nơi người bị cấm cư trú đến cư trú.

Chương III

THI HÀNH HÌNH PHẠT QUẢN CHẾ

Mục A

Nghĩa vụ và quyền của người bị quản chế

Điều 11.

1. Người bị quản chế có nghĩa vụ:

a) Trở về địa phương mà bản án chỉ định là nơi quản chế ngay sau khi chấp hành xong hình phạt tù và trình diện với Ủy ban nhân dân cấp xã, xuất trình giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù;

b) Chịu sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương; không được tự ý rời khỏi nơi quản chế;

c) Mỗi tháng một lần vào tuần đầu của tháng, trình diện và báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế việc chấp hành quy định về quản chế;

d) Khi Ủy ban nhân dân các cấp yêu cầu, phải có mặt tại địa điểm quy định và trả lời các vấn đề có liên quan, nếu vắng mặt phải có lý do chính đáng;

đ) Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của chính quyền địa phương; tích cực lao động, học tập, cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội.

2. Người bị quản chế vi phạm quy định về quản chế thì có thể bị xử lý như sau: